

TP, Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

1. Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Công chánh
 - Trụ sở chính: 14-16 Phan Đăng Lưu, P6, quận Bình Thạnh, TP.HCM
 - Điện thoại : 028 38414872
 - Fax : 028 3414824
 - Người thực hiện công bố thông tin: Phan Minh Lộc
 - Chức vụ : Tổng Giám đốc
 - Điện thoại : 028 38414872
 - Fax : 028 3414824
2. Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ
3. Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Công trình Giao Thông Công chánh công bố thông tin về Báo cáo tài chính giữa niên độ và công văn số 296/CTGTCC về việc giải trình lợi nhuận quý 2 năm 2019 có sự chênh lệch hơn 5% so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét
4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/08/2019 tại đường dẫn website: www.gtccsg.com – mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. Phan Minh Lộc

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT Phan Minh Lộc

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phan Minh Lộc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG
CÔNG CHÁNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	15 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Công Chánh (được chuyển từ Công ty Công trình Giao thông Công Chánh thành lập theo Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 41062000267 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 02 năm 2003) theo Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300475734, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc thay đổi loại hình doanh nghiệp;
- Giấy chứng nhận doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ hai ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật;

Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 3699/UBCK-GSDC ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc đăng ký công ty đại chúng.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 3841 4872
- Fax : (028) 3841 4824

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Xây lắp Công trình số 1	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây lắp Công trình số 2	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây lắp Công trình số 3	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây lắp Công trình số 4	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây lắp Công trình số 6	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây lắp Công trình số 7	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây lắp Công trình số 8	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây lắp Công trình số 9	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Đầu tư Hạ tầng	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Xây lắp Công trình Đô thị	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vật tư và Xây lắp Công trình	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Nhà máy Bê tông dự ứng lực	14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng dân dụng và công nghiệp; thi công xây dựng công trình hệ thống đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông; thi công nạo vét sông kênh rạch; thi công công trình thủy lợi, công trình cấp nước; thi công xây dựng khu xử lý nước thải công nghiệp, cầu cảng, kè, đê chính dòng, trạm bơm thủy lợi, trạm bơm thoát nước mưa, thoát nước thải; đầu tư xây dựng hạ tầng;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn; sản xuất các sản phẩm cấu kiện bê tông và bê tông dự ứng lực; sản xuất sản phẩm nhũ tương, bê tông nhựa, gạch lát vỉa hè (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm nhũ tương, bê tông nhựa, gạch lát vỉa hè (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản phẩm nhũ tương, bê tông nhựa, gạch lát vỉa hè;
- Kinh doanh xăng dầu (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Vận tải hành khách công cộng;
- Sản xuất, chế tạo vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; sản xuất các loại ống cấp nước, ống dẫn chất lỏng, chất khí và phụ kiện (ống bê tông nhựa cốt sợi thủy tinh, ống bê tông xi măng, ống thép) (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, mua bán các loại ống cấp nước, ống dẫn chất lỏng, chất khí và phụ kiện (ống bê tông nhựa cốt sợi thủy tinh, ống bê tông xi măng, ống thép), mua bán vật tư, thiết bị các công trình;
- Thi công san lấp mặt bằng;
- Lắp đặt lưới điện trung, hạ thế và trạm biến áp đến 35KV; thi công lắp đặt các loại cáp thông tin (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Thí nghiệm, cung cấp các chỉ tiêu kỹ thuật của đất đá nền móng, vật liệu xây dựng;
- Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ, khảo sát địa chất xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; khảo sát địa hình công trình; giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); thiết kế kết cấu công trình cầu, đường bộ, hạ tầng kỹ thuật đô thị; thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước; thẩm tra dự án, tổng dự toán, quản lý dự án các công trình; tư vấn nghiệm thu các công trình; lập dự án đầu tư xây dựng; lập dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, chiếu sáng công cộng, hệ thống cấp nước nhóm A,B,C; lập dự án công trình thoát nước nhóm A,B,C; tư vấn đấu thầu về thiết kế, xây lắp; đo vẽ hiện trạng công trình;
- Thiết kế đồ họa;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; khai thác đất (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế (đối với lữ hành quốc tế chỉ hoạt động khi được cấp giấy phép của Tổng cục Du lịch);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thi công các công trình thoát nước, nước thải, các công trình cây xanh;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn mang tính pháp lý);
- Cho thuê thiết bị, xe máy, phương tiện thi công công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Bá Phước	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2019
Ông Phan Minh Lộc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2019
		Miễn nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2019
Ông Võ Trung Chính	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2019
Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
Ông Lê Huy Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Lương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
Ông Hồ Lê Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Quốc Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Bá Phước	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Trọng Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Hồ Minh Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
Ông Nguyễn Thái Lộc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Đặng Thị Ngọc Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 10 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Minh Lộc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2019
Ông Phạm Bá Phước	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2019
Ông Phan Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Ngọc Lương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2015
Ông Lê Hồ Nhất Huy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 19 tháng 01 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phan Minh Lộc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2019
Ông Phạm Bá Phước	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2019

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

49815
 NG TY
 HIỆM HỮU
 N VÀ T
 & C
 T.P HỒ

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phan Minh Lộc
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2019



Số: 1.1228/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công chánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2019, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty phối hợp với các xí nghiệp trực thuộc nhận khoán thực hiện thi công các công trình. Theo đó, các xí nghiệp trực thuộc có trách nhiệm tập hợp chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang và theo dõi các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp. Công ty theo dõi số tiền tạm ứng và các khoản phải thu khác liên quan đến việc thực hiện công trình. Với các tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi chưa thể xác định được chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây dựng chưa hoàn thành để xem xét phân loại trình bày phù hợp cho các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14 - 16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		677.423.034.334	873.954.344.896
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.170.484.443	71.480.715.482
1. Tiền	111		9.247.881.173	47.808.699.942
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.922.603.270	23.672.015.540
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		147.000.000.000	162.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	147.000.000.000	162.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		503.841.824.270	628.651.987.299
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	119.342.488.990	154.743.891.150
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	380.952.000	156.775.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	385.137.179.383	499.051.943.735
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.018.796.103)	(25.300.622.586)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		290.099.636	290.099.636
1. Hàng tồn kho	141	V.7	290.099.636	290.099.636
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.120.625.985	11.531.542.479
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.737.739.564	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.382.886.421	11.531.542.479
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

149
VG
TIỀN
I VÀ
&
P.Y

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14 - 16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.334.971.523	71.111.528.262
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		68.115.642.287	69.944.398.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	3.995.571.663	5.053.321.695
- Nguyên giá	222		17.756.659.369	17.756.659.369
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.761.087.706)	(12.703.337.674)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	64.120.070.624	64.891.076.372
- Nguyên giá	228		71.765.933.800	71.765.933.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.645.863.176)	(6.874.857.428)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		454.254.545	454.254.545
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	454.254.545	454.254.545
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		765.074.691	712.875.650
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	765.074.691	712.875.650
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		746.758.005.857	945.065.873.158

TS-C.T.
CY
DƯ HẠN
TƯ VẤN
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14 - 16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		471.502.449.213	661.149.177.881
I. Nợ ngắn hạn	310		471.502.449.213	661.149.177.881
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	223.492.136	258.322.718
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	108.141.884.650	126.901.239.787
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	807.688.037	14.182.139.921
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	222.827.410.427	319.526.829.599
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		2.359.695.649	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	107.843.834.140	152.317.964.725
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	28.117.138.425	46.548.584.157
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.181.305.749	1.414.096.974
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14 - 16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.255.556.644	283.916.695.277
I. Vốn chủ sở hữu	410		275.255.556.644	283.916.695.277
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	268.750.000.000	268.750.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		268.750.000.000	268.750.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. he	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	3.194.663.834	3.194.663.834
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	3.310.892.810	11.972.031.443
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	11.972.031.443
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.310.892.810	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		746.758.005.857	945.065.873.158

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2019



Phạm Thiên Trinh
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hiệp
Kế toán trưởng



Phan Minh Lộc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14 - 16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	150.584.681.136	237.851.077.915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.004.205.196	965.492.628
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		149.580.475.940	236.885.585.287
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	144.080.789.807	228.199.735.296
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.499.686.133	8.685.849.991
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.325.620.336	7.585.895.286
7. Chi phí tài chính	22		520.277	5.187.247
Trong đó: chi phí lãi vay	23		520.277	5.187.247
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.547.152.239	9.592.423.670
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.277.633.953	6.674.134.360
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.563.325.970	2.232.383.101
12. Chi phí khác	32	VI.7	430.811.308	567.996.223
13. Lợi nhuận khác	40		2.132.514.662	1.664.386.878
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.410.148.615	8.338.521.238
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.099.255.805	1.822.963.923
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.310.892.810	6.515.557.315
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a,b	106	217
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a,b	106	217


Phạm Thiên Trinh
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiệp
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2019

Phan Minh Lộc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14 - 16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.410.148.615	8.338.521.238
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	1.828.755.780	2.232.917.860
- Các khoản dự phòng	03	V.6	852.207.733	726.704.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(6.325.620.336)	(7.585.895.286)
- Chi phí lãi vay	06		520.277	5.187.247
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		766.012.069	3.717.435.059
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		131.925.577.169	87.475.485.132
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(169.460.516.908)	(49.832.425.118)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(52.199.041)	(329.446.399)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.274.203.573)	(1.165.162.141)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.587.404.122)	(3.497.454.041)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(1.482.791.225)	(2.327.952.354)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(42.165.525.631)	34.040.480.138
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.5	1.454.545.454	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(115.000.000.000)	(222.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		130.000.000.000	222.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	5.583.861.431	7.929.634.737
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22.038.406.885	7.929.634.737

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14 - 16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	32.940.495.558	53.155.639.451
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(51.371.941.290)	(53.707.405.621)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16, 19	(10.751.666.561)	(14.186.093.856)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.183.112.293)	(14.737.860.026)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(49.310.231.039)	27.232.254.849
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	71.480.715.482	68.558.730.824
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	22.170.484.443	95.790.985.673


Phạm Thiên Trinh
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiệp
Kế toán trưởng


TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2019

Phan Minh Lộc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh Công ty là dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sửa chữa lớn các công trình giao thông, thi công xây dựng các công trình cấp thoát nước, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (kể cả nhũ tương nhựa đường, bê tông nhựa nóng), cấu kiện bê tông đúc sẵn, sản xuất các loại ống bê tông dự ứng lực, ống bê tông thông thường dùng cho cấp nước và thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 246 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 274 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 18 đến 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04
Máy móc và thiết bị	02 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 45 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	10.438.849	13.991.300
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	9.237.442.324	47.794.708.642
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	12.922.603.270	23.672.015.540
Cộng	22.170.484.443	71.480.715.482

(i) Trong đó, khoản tiền ngân hàng không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn với số tiền là 400.000.000 VND đã bị phong tỏa để bảo lãnh dự thầu công trình trong thời hạn từ ngày 28 tháng 5 năm 2019 đến ngày 25 tháng 9 năm 2019.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm.

Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn với số tiền lần lượt là 2.000.000.000 VND và 2.340.224.117 VND (số đầu năm là 32.000.000.000 VND) đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.17).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	32.720.733.204	25.095.298.849
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	32.396.007.000	24.209.172.990
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	164.767.394	164.767.394
Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn	9.958.810	9.958.810
Ông Nguyễn Ngọc Lưỡng	150.000.000	711.399.655
Phải thu các khách hàng khác	86.621.755.786	129.648.592.301
Công ty TNHH Minh Thông	15.037.667.950	15.037.667.950
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Bình Chánh	12.272.805.179	17.356.592.179
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	8.395.067.434	8.395.067.434
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NO VA	740.226.933	1.326.072.184
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 7	274.532.080	274.532.080
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 8	-	723.809.311
Các khách hàng khác	49.901.456.210	86.534.851.163
Cộng	119.342.488.990	154.743.891.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó, các khoản phải thu khách hàng từ các hợp đồng thi công các công trình được Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn tài trợ vốn với giá trị định giá là 272.436.000.000 VND (số đầu năm là 415.311.000.000 VND) đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.17).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Phát triển An Giang	65.275.000	65.275.000
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	315.677.000	91.500.000
Cộng	380.952.000	156.775.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	72.840.965.613	-	83.292.377.389	-
Ông Nguyễn Ngọc Lương – tiền tạm ứng ⁽ⁱ⁾	62.309.855.149	-	75.316.559.879	-
Ông Nguyễn Ngọc Lương - phải thu nhận khoán ⁽ⁱⁱ⁾	8.104.251.704	-	5.271.774.056	-
Ông Nguyễn Văn Mỹ - phải thu nhận khoán ⁽ⁱⁱ⁾	2.251.610.515	-	2.528.795.209	-
Ông Nguyễn Văn Mỹ - tiền tạm ứng ⁽ⁱ⁾	132.923.781	-	132.923.781	-
Ông Phan Minh Lộc - phải thu nhận khoán ⁽ⁱⁱ⁾	42.324.464	-	42.324.464	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	312.296.213.770	(984.180.613)	415.759.566.346	(19.369.745.604)
Dự thu lãi tiền gửi	1.485.534.247	-	743.775.342	-
Tạm ứng ⁽ⁱ⁾	189.480.218.208	(39.780.561)	265.699.907.593	(3.318.510.318)
Phải thu các xí nghiệp trực thuộc liên quan đến các khoản nhận khoán khác ⁽ⁱⁱ⁾	114.693.927.068	(944.400.052)	140.457.752.850	(16.051.235.286)
Ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các Ngân hàng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.020.000.000	-	6.289.048.956	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Triết Giang Phát – phải thu tiền thanh lý TSCĐ ^(iv)	-	-	1.600.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.616.534.247	-	969.081.605	-
Cộng	385.137.179.383	(984.180.613)	499.051.943.735	(19.369.745.604)

- (i) Công ty giao các xí nghiệp trực thuộc nhận khoán thực hiện thi công các công trình. Theo đó, các xí nghiệp trực thuộc có trách nhiệm tập hợp chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang và theo dõi các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp. Số dư khoản tiền tạm ứng này thể hiện các khoản chi phí đã phát sinh liên quan đến các công trình đang thi công dở dang, chờ kết chuyển chi phí về Công ty phê duyệt quyết toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Khoản phải thu tiền cho các xí nghiệp trực thuộc vay, tiền hỗ trợ thanh toán cho nhà cung cấp, tiền lãi vay thanh toán hộ và các khoản phải thu khác của các xí nghiệp nhận khoán để thực hiện công trình theo tiến độ hợp đồng.
- (iii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.17).
- (iv) Trong đó, khoản phải thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng liên quan đến hoạt động thanh lý tài sản cố định tại thời điểm đầu năm là 1.454.545.454 VND.

6. Nợ xấu Số cuối kỳ

	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị khó thu hồi	Cần lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		70.815.762.497	68.923.626.553	1.892.135.944	1.115.704.244	34.615.490	1.081.088.754
Nguyễn Ngọc Sơn	Trên 3 năm	515.242.600	515.242.600	-	-	-	-
Lê Thanh Bình	Trên 3 năm	228.685.418	228.685.418	-	-	-	-
Lê Như Nguyễn	Trên 3 năm	1.297.206.022	1.297.206.022	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư AMIC Long An	Trên 3 năm	2.860.636.977	2.860.636.977	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng & Xây lắp Thương mại BMC	Trên 3 năm	1.400.939.051	1.400.939.051	-	-	-	-
Nguyễn Trần Nhuận	Trên 3 năm	236.008.000	-	236.008.000	236.008.000	-	236.008.000
Công ty Môi trường Đô thị TP. Hồ Chí Minh	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	20.700.000	-	20.700.000	14.490.000	14.490.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phú Đồng	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	268.482.650	-	268.482.650	134.241.325	-	134.241.325
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Thành Tâm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	413.100.000	-	413.100.000	206.550.000	-	206.550.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Nguyễn Ngọc	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	100.000.000	-	100.000.000	30.000.000	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Saca	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	65.000.000	-	65.000.000	19.500.000	19.500.000	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.084.968	-	2.084.968	625.490	625.490	-
Các khách hàng khác		63.407.676.811	62.620.916.485	786.760.326	474.289.429	-	474.289.429
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	39.786.046.207	39.786.046.207	-	-	-	-
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	11.082.470.336	10.700.256.338	382.213.998	191.106.999	-	191.106.999
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	577.366.274	172.819.946	404.546.328	283.182.430	-	283.182.430
	Trên 3 năm	11.961.793.994	11.961.793.994	-	-	-	-
Phải thu các xí nghiệp nhận khoán		4.718.099.671	1.830.769.547	2.887.330.124	1.318.420.742	944.400.052	374.020.690
Đặng Xuân Ánh	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	212.684.497	-	212.684.497	63.805.349	-	63.805.349

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị khó thu hồi	Cần lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Lê Như Nguyễn	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.494.799.846	1.075.121.808	419.678.038	209.839.019	-	209.839.019
	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	100.523.494	-	100.523.494	30.157.048	30.157.048	-
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	47.632.937	-	47.632.937	23.816.469	23.816.469	-
Đoàn Vũ Ngọc Duy	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	23.342.535	-	23.342.535	7.002.761	7.002.761	-
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.074.214.738	307.367.188	1.766.847.550	883.423.775	883.423.775	-
Công ty Cổ phần Đầu tư C.E.T	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	26.950.000	-	26.950.000	13.475.000	-	13.475.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Thành Tâm	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	23.100.000	-	23.100.000	6.930.000	-	6.930.000
Nguyễn Trần Nhuận	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	102.440.413	69.492.253	32.948.160	9.884.448	-	9.884.448
Nguyễn Văn Mỹ	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	130.676.848	6.169.062	124.507.786	37.352.336	-	37.352.336
Phạm Quang Đức	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	481.734.363	372.619.236	109.115.127	32.734.538	-	32.734.538
Tạm ứng		1.600.948.421	200.681.652	1.400.266.769	519.272.277	39.780.561	479.491.716
Nguyễn Văn Thành	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	79.561.121	-	79.561.121	39.780.561	39.780.561	-
Nguyễn Văn Mỹ	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	132.923.781	2.746.018	130.177.763	65.088.882	-	65.088.882
Đoàn Minh Toàn	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	213.889.517	150.278.344	63.611.173	44.527.821	-	44.527.821
Trần Thái Long	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	6.000.000	-	6.000.000	1.800.000	-	1.800.000
Nguyễn Thế Hùng	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	71.000.000	47.000.000	24.000.000	12.000.000	-	12.000.000
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	120.000.000	-	120.000.000	60.000.000	-	60.000.000
Nguyễn Hiền Phước	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	15.000.000	-	15.000.000	7.500.000	-	7.500.000
Nguyễn Hồ Minh Trí	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	81.400.000	-	81.400.000	24.420.000	-	24.420.000
Nguyễn Văn Nư	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	29.706.000	657.290	29.048.710	8.714.613	-	8.714.613
Bùi Văn Quang	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	227.747.288	-	227.747.288	68.324.186	-	68.324.186
Lê Tuấn Dũng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	623.720.714	-	623.720.714	187.116.214	-	187.116.214
Cộng		77.134.810.589	70.955.077.752	6.179.732.837	2.953.397.263	1.018.796.103	1.934.601.160

Số đầu năm

	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị khó thu hồi	Cần lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		41.326.560.591	34.310.891.748	7.015.668.843	6.442.542.750	5.930.876.983	511.665.767
Công ty TNHH MTV Quản lý Công trình Giao thông Sài Gòn	Trên 3 năm	152.842.300	152.842.300	-	-	-	-
Đào Thị Tân - Công ty Khôi Tân	Trên 3 năm	634.293.000	-	634.293.000	634.293.000	634.293.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị khó thu hồi	Cần lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Nguyễn Ngọc Sơn	Trên 3 năm	1.205.425.530	515.242.600	690.182.930	690.182.930	690.182.930	-
Lê Thanh Bình	Trên 3 năm	1.581.055.814	228.685.418	1.352.370.396	1.352.370.396	1.352.370.396	-
Lê Như Nguyễn	Trên 3 năm	1.297.206.022	1.297.206.022	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư AMIC Long An	Trên 3 năm	3.260.829.715	2.860.636.977	400.192.738	400.192.738	400.192.738	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng & Xây lắp Thương mại BMC	Trên 3 năm	1.400.939.051	1.400.939.051	-	-	-	-
Các khách hàng khác		31.946.811.459	28.008.181.680	3.938.629.779	3.365.503.686	2.853.837.919	511.665.767
	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	<i>12.845.945.113</i>	<i>12.845.945.113</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	<i>2.774.585.397</i>	<i>1.997.095.169</i>	<i>777.490.228</i>	<i>388.745.114</i>	<i>-</i>	<i>388.745.114</i>
	<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	<i>1.276.911.539</i>	<i>662.308.274</i>	<i>614.603.265</i>	<i>430.222.286</i>	<i>307.301.633</i>	<i>122.920.653</i>
	<i>Trên 3 năm</i>	<i>15.049.369.410</i>	<i>12.502.833.124</i>	<i>2.546.536.286</i>	<i>2.546.536.286</i>	<i>2.546.536.286</i>	<i>-</i>
Phải thu các xí nghiệp nhận khoán		21.687.594.866	3.284.750.429	18.352.434.583	16.740.082.725	16.051.235.286	688.847.439
Nguyễn Ngọc Sơn	Trên 3 năm	2.083.760.387	-	2.083.760.387	2.083.760.387	2.083.760.387	-
Nguyễn Long Thành	Trên 3 năm	3.339.494.527	-	3.339.494.527	3.339.494.527	3.339.494.527	-
	<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>5.041.169</i>	<i>5.041.169</i>	<i>5.041.169</i>	<i>-</i>
Nguyễn Hoàng Nam	Trên 3 năm	1.223.984.460	-	1.168.533.437	1.163.492.269	1.163.492.269	-
Nguyễn Thanh Túc	Trên 3 năm	3.210.520.022	118.212.213	3.092.307.809	3.092.307.809	3.092.307.809	-
Nguyễn Thành Nam	Trên 3 năm	705.159.842	-	705.159.842	705.159.842	705.159.842	-
Huỳnh Đông Trường	Trên 3 năm	6.153.107.085	1.779.475.848	4.373.631.237	4.373.631.237	4.373.631.237	-
Trần Phong Vinh	Trên 3 năm	460.861.559	-	460.861.559	460.861.559	460.861.559	-
Phạm Văn Hoanh	Trên 3 năm	536.576.496	-	536.576.496	536.576.496	536.576.496	-
Xí nghiệp Tư vấn thiết kế	Trên 3 năm	50.393.356	-	50.393.356	50.393.356	50.393.356	-
	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	<i>1.494.799.846</i>	<i>1.075.121.808</i>	<i>419.678.038</i>	<i>125.903.411</i>	<i>-</i>	<i>125.903.411</i>
Đặng Xuân Ánh	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	<i>2.074.214.738</i>	<i>307.367.188</i>	<i>1.766.847.550</i>	<i>530.054.265</i>	<i>-</i>	<i>530.054.265</i>
Đoàn Vũ Ngọc Duy	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	<i>26.950.000</i>	<i>-</i>	<i>26.950.000</i>	<i>8.085.000</i>	<i>-</i>	<i>8.085.000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư C.E.T	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	<i>35.049.604</i>	<i>-</i>	<i>35.049.604</i>	<i>10.514.881</i>	<i>-</i>	<i>10.514.881</i>
Cao Bá Đăng Khoa	<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	<i>47.632.937</i>	<i>-</i>	<i>47.632.937</i>	<i>14.289.881</i>	<i>-</i>	<i>14.289.881</i>
Lê Như Nguyễn	Trên 3 năm	245.090.007	4.573.372	240.516.635	240.516.635	240.516.635	-
Các cá nhân khác		8.597.721.046	4.678.925.120	3.955.629.796	3.696.295.297	3.318.510.318	377.784.979
Tạm ứng		8.597.721.046	4.678.925.120	3.955.629.796	3.696.295.297	3.318.510.318	377.784.979
Nguyễn Ngọc Sơn	Trên 3 năm	36.833.870	36.833.870	36.833.870	-	-	-
Nguyễn Long Thành	Trên 3 năm	349.288.712	-	349.288.712	349.288.712	349.288.712	-
Nguyễn Hoàng Nam	Trên 3 năm	428.456.898	363.498.100	64.958.798	64.958.798	64.958.798	-
Nguyễn Thanh Túc	Trên 3 năm	3.864.248.490	3.864.248.490	-	-	-	-
Nguyễn Thành Nam	Trên 3 năm	769.439.030	104.320.298	665.118.732	665.118.732	665.118.732	-
Huỳnh Đông Trường	Trên 3 năm	160.983.073	-	160.983.073	160.983.073	160.983.073	-
Trần Phong Vinh	Trên 3 năm	316.448.065	-	316.448.065	316.448.065	316.448.065	-
Nguyễn Trần Nhuận	Trên 3 năm	657.284.439	-	657.284.439	657.284.439	657.284.439	-
Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế	Trên 3 năm	1.009.898.535	-	1.009.898.535	1.009.898.535	1.009.898.535	-
	<i>Từ 1 đến 2 năm</i>	<i>79.561.121</i>	<i>-</i>	<i>79.561.121</i>	<i>79.561.121</i>	<i>-</i>	<i>79.561.121</i>
Nguyễn Văn Thành							

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị khó thu hồi	Cần lập dự phòng	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Nguyễn Thành Nhất	Từ 1 đến 2 năm	132.935.551	-	132.935.551	132.935.551	-	132.935.551
Nguyễn Văn Mỹ	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	132.923.781	2.746.018	130.177.763	39.877.134	-	39.877.134
Đoàn Minh Toàn	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	213.889.517	150.278.344	63.611.173	63.611.173	-	63.611.173
Trần Thái Long	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	71.000.000	12.000.000	59.000.000	21.300.000	-	21.300.000
Nguyễn Thế Hùng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	265.000.000	145.000.000	120.000.000	36.000.000	-	36.000.000
Nguyễn Hiền Phước	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	15.000.000	-	15.000.000	4.500.000	-	4.500.000
Các cá nhân khác	Trên 3 năm	94.529.964	-	94.529.964	94.529.964	94.529.964	-
Cộng		71.611.876.503	42.274.567.297	29.323.733.222	26.878.920.772	25.300.622.586	1.578.298.185

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	25.300.622.586	21.124.947.092
Trích lập dự phòng bổ sung	852.207.733	726.704.000
Xử lý dự phòng	(25.134.034.216)	-
Số cuối kỳ	1.018.796.103	21.851.651.092

7. Hàng tồn kho

Giá trị công trình dở dang.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	9.391.310.280	3.956.120.362	4.307.952.182	101.276.545	17.756.659.369
Số cuối kỳ	9.391.310.280	3.956.120.362	4.307.952.182	101.276.545	17.756.659.369
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.254.956.018	1.214.726.029	3.136.863.048	96.792.579	12.703.337.674
Khấu hao trong kỳ	681.973.368	101.014.248	272.072.046	2.690.370	1.057.750.032
Số cuối kỳ	8.936.929.386	1.315.740.277	3.408.935.094	99.482.949	13.761.087.706
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.136.354.262	2.741.394.333	1.171.089.134	4.483.966	5.053.321.695
Số cuối kỳ	454.380.894	2.640.380.085	899.017.088	1.793.596	3.995.571.663
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	71.353.003.800	412.930.000	71.765.933.800
Số cuối kỳ	71.353.003.800	412.930.000	71.765.933.800
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	412.930.000	412.930.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.461.927.428	412.930.000	6.874.857.428
Khấu hao trong kỳ	771.005.748	-	771.005.748
Số cuối kỳ	7.232.933.176	412.930.000	7.645.863.176
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	64.891.076.372	-	64.891.076.372
Số cuối kỳ	64.120.070.624	-	64.120.070.624
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 64.120.070.624 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn (xem thuyết minh số V.17).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng dự án “Cao ốc văn phòng 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh”.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	73.855.488	70.848.331
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	691.219.203	642.027.319
Cộng	765.074.691	712.875.650

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Vận tải Nhật Sang	223.492.136	223.492.136
Các nhà cung cấp khác	-	34.830.582
Cộng	223.492.136	258.322.718

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>9.199.179.071</i>	<i>18.727.943.594</i>
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	9.199.179.071	18.727.943.594
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>98.942.705.579</i>	<i>108.173.296.193</i>
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô thị	20.439.461.164	-
Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận Tân Phú	19.053.235.000	25.282.661.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Khu vực Quận 8	16.740.212.000	15.991.912.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình quận Bình Tân	6.959.407.000	7.770.499.000
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai	4.233.163.000	4.233.163.000
Ban quản lý Đầu tư Dự án vệ sinh môi trường TP. Hồ Chí Minh	-	28.038.171.839
Khách hàng trả tiền trước khác	31.517.227.415	26.856.889.354
Cộng	108.141.884.650	126.901.239.787

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Điều chỉnh giảm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.580.442.431	11.531.542.479	2.148.717.911	(3.580.504.284)	-	-	2.382.886.421
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.591.953.989	-	1.099.255.805	(2.587.404.122)	(1.304.549.867)	799.255.805	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.743.501	-	550.582.634	(551.893.903)	-	8.432.232	-
Tiền thuế đất	-	-	1.441.084.642	(1.441.084.642)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	68.208.448	(68.208.448)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	14.399.000	(14.399.000)	-	-	-
Cộng	14.182.139.921	11.531.542.479	5.322.248.440	(8.243.494.399)	(1.304.549.867)	807.688.037	2.382.886.421

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động dịch vụ, xây lắp là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.410.148.615	8.338.521.238
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.086.130.411	776.298.375
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	5.496.279.026	9.114.819.613
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.099.255.805	1.822.963.923

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng tại số 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
- Đất thuê làm văn phòng với diện tích 1.246,6 m ²	1.039.700 VND/m ²
- Đất thuê làm kho chứa hàng 4.517,2 m ²	351.120 VND/m ²

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	113.376.935	142.902.611
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình ⁽ⁱ⁾	222.562.578.947	319.092.464.443
Chi phí phải trả cho nhà cung cấp	151.454.545	291.462.545
Cộng	222.827.410.427	319.526.829.599

⁽ⁱ⁾ Căn cứ vào hợp đồng giao khoán với các xí nghiệp thi công để trích trước vào giá vốn khoản chi phí chưa có quyết toán nội bộ (Xí nghiệp không tổ chức hạch toán kế toán).

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	12.950.762.825	24.450.762.825
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - phải trả các khoản thanh toán hộ cho Công ty	12.950.762.825	24.450.762.825
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	94.893.071.315	127.867.201.900
Dư có tài khoản tạm ứng ⁽ⁱ⁾	28.406.848.347	41.096.422.084
Kinh phí công đoàn	205.211.603	144.344.232
Bảo hiểm xã hội	386.970.584	-
Bảo hiểm y tế	68.705.627	-
Bảo hiểm thất nghiệp	30.350.634	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn	6.408.455.271	5.324.230.286
Cổ tức phải trả	16.947.973	21.248.783
Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Xí nghiệp nhận khoán) ⁽ⁱ⁾	59.369.581.276	81.280.956.515
Cộng	107.843.834.140	152.317.964.725

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản phải trả các xí nghiệp trực thuộc thi công nhận khoán về khoản tạm hoàn thu khoán chưa có quyết toán nội bộ và các khoản phải trả khác (các xí nghiệp không tổ chức hạch toán kế toán).

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	6.577.779.435	11.284.753.091
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	21.539.358.990	24.299.037.525
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	10.964.793.541
Cộng	28.117.138.425	46.548.584.157

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi tại ngân hàng này (xem các thuyết minh số V.2 và V.5).

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công xây lắp với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay từ 6 đến 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.9), khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.2) và toàn bộ các khoản phải thu từ các hợp đồng thi công các công trình được ngân hàng này tài trợ (xem thuyết minh số V.3).

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay 6 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	46.548.584.157
Số tiền vay phát sinh	32.940.495.558
Số tiền vay đã trả	(51.371.941.290)
Số cuối kỳ	28.117.138.425

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.361.452.607	1.200.000.000	(1.405.591.225)	1.155.861.382
Quỹ phúc lợi	52.644.367	50.000.000	(77.200.000)	25.444.367
Cộng	1.414.096.974	1.250.000.000	(1.482.791.225)	1.181.305.749

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	268.750.000.000	3.194.663.834	14.157.187.216	286.101.851.050
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	6.515.557.315	6.515.557.315
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	(14.182.521.524)	(14.182.521.524)
Số dư cuối kỳ trước	268.750.000.000	3.194.663.834	6.490.223.007	278.434.886.841
Số dư đầu năm nay	268.750.000.000	3.194.663.834	11.972.031.443	283.916.695.277
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	3.310.892.810	3.310.892.810
Trích lập các quỹ	-	-	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	(10.747.365.751)	(10.747.365.751)
Điều chỉnh khác	-	-	25.334.308	25.334.308
Số dư cuối kỳ này	268.750.000.000	3.194.663.834	3.310.892.810	275.255.556.644

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Huy Hùng	82.181.520.000	82.181.520.000
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	67.187.500.000	67.187.500.000
Ông Nguyễn Quốc Chiến	41.337.180.000	41.337.180.000
Ông Nguyễn Ngọc Lưỡng	13.440.340.000	13.440.340.000
Ông Hồ Lê Minh	17.828.720.000	2.801.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kỹ thuật Đông Dương	-	13.437.500.000
Ông Phan Minh Lộc	13.027.440.000	13.051.440.000
Các cổ đông khác	33.747.300.000	35.313.520.000
Cộng	268.750.000.000	268.750.000.000

Các cổ đông của Công ty đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.875.000	26.875.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.875.000	26.875.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.875.000	26.875.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.875.000	26.875.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.875.000	26.875.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 03/NQ-ĐHĐCĐ.2019 ngày 26 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 10.747.365.751
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.250.000.000

20. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế	4.989.650.353	3.314.755.197
Huỳnh Đông Trường	3.964.623.293	-
Lê Thanh Bình	1.446.118.366	-
Nguyễn Hoàng Nam	1.418.987.920	-
Nguyễn Long Thành	4.047.577.923	-
Nguyễn Ngọc Sơn	2.555.454.030	-
Nguyễn Thành Nam	1.317.795.081	-
Nguyễn Thanh Túc	3.011.844.013	-
Các khách hàng khác	5.696.738.434	-
Cộng	28.448.789.413	3.314.755.197

Các khoản nợ phải thu này được xóa sổ do đã tồn lâu và không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	-	6.543.314.005
Doanh thu hợp đồng xây dựng	150.584.681.136	231.307.763.910
Cộng	150.584.681.136	237.851.077.915

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ xây dựng cho Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV với số tiền là 72.952.895.375 VND (cùng kỳ năm trước là 8.488.669.099 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giảm giá doanh thu xây dựng	1.004.205.196	965.492.628
Cộng	1.004.205.196	965.492.628

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	-	6.520.388.315
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	144.080.789.807	221.679.346.981
Cộng	144.080.789.807	228.199.735.296

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.325.620.336	7.585.895.286
Cộng	6.325.620.336	7.585.895.286

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.679.485.314	4.655.823.735
Chi phí đồ dùng văn phòng	207.129.420	90.271.034
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.777.505.898	2.012.303.334
Thuế, phí và lệ phí	1.009.244.568	1.089.873.646
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	852.207.733	726.704.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.212.545	152.437.182
Các chi phí khác	919.366.761	865.010.739
Cộng	9.547.152.239	9.592.423.670

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ cho thuê mặt bằng	2.097.863.654	1.815.663.636
Thu từ cho thuê xe cơ giới	390.491.816	321.068.186
Thu nhập từ điều chỉnh tiền thuê đất từ năm 2015 đến năm 2017	-	17.360.016
Thu nhập khác	74.970.500	78.291.263
Cộng	2.563.325.970	2.232.383.101

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao máy móc thiết bị cho thuê	51.249.882	220.614.526
Chi phí cho thuê xe cơ giới	353.645.036	319.810.864
Chi phí khác	25.916.390	27.570.833
Cộng	430.811.308	567.996.223

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.310.892.810	6.515.557.315
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(450.281.422)	(677.617.961)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.860.611.388	5.837.939.354
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	26.875.000	26.875.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	106	217

⁽ⁱ⁾ Tạm trích 13,6% trên lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	143.098.925.273	220.720.931.798
Chi phí nhân công	50.378.534.594	48.598.663.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.777.505.898	2.012.303.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.255.174.726	71.805.897.827
Chi phí khác	2.780.819.062	2.681.588.385
Cộng	252.290.959.553	345.819.384.500

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Ngọc Lương		
Nhận khoán công trình	4.282.994.188	7.301.630.329
Tạm ứng công trình	8.750.699.675	50.660.104.879
Các khoản khác	58.206.140	54.351.720
Chia cổ tức	537.481.860	2.849.697
Ông Nguyễn Văn Mỹ		
Tạm ứng bê tông nhựa nóng	2.364.620.475	4.242.104.924
Các khoản khác	356.126.270	835.608.896
Chia cổ tức	-	367.174.004
Ông Lê Huy Hùng		
Chia cổ tức	3.286.455.269	2.209.519.171
Ông Phan Minh Lộc		
Chia cổ tức	520.969.907	754.981.928
Ông Hồ Lê Minh		
Chia cổ tức	541.907.175	-
Ông Lê Hồ Nhất Huy		
Chia cổ tức	679.833	897.127
Ông Nguyễn Quốc Chiến		
Chia cổ tức	1.653.082.019	584.371.603
Ông Phạm Bá Phước		
Chia cổ tức	262.485.263	346.382.823
Ông Nguyễn Hồ Minh Trí		
Chia cổ tức	2.359.422	3.799.597

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.5.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	400.200.000	406.200.000
Thù lao	144.000.000	186.000.000
Cộng	544.200.000	592.200.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Cổ đông nắm giữ 25,00% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	Công ty con của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV
Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn	Công ty con của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Công ty con của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kỹ thuật Đông Dương	Cổ đông nắm giữ 5% vốn điều lệ vào thời điểm đầu năm (cuối kỳ không còn nắm giữ vốn điều lệ)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kỹ thuật Đông Dương		
Chia cổ tức	-	4.301.185.415
Cho vay	-	40.000.000.000
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV		
Chia cổ tức	2.686.841.438	3.545.630.381

Việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.13 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

Địa chỉ: 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2019

Phạm Thiên Trinh
Người lập

Nguyễn Văn Hiệp
Kế toán trưởng



Phan Minh Lộc
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 206./CTGTCC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2019

V/v giải trình lợi nhuận quý 2 năm 2019
có sự chênh lệch hơn 5% so với báo cáo
tài chính bán niên được soát xét

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ tài chính

Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông Công Chánh xin báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm trong báo cáo tài chính quý 2 năm 2019 đã công bố so với báo cáo bán niên được soát xét như sau:

Chi tiêu	Số BCTC bán niên được soát xét	Số lũy kế BCTC quý 2/2019 đã công bố	Tỷ lệ % tăng/ giảm BCTC bán niên soát xét so với số báo cáo quý 2	Số tăng/ giảm
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)/(3)	(5)=(2)-(3)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.584.681.136	150.584.681.136	0%	0
2. Các khoản giảm trừ	1.004.205.196	1.004.205.196	0%	0
3. Doanh thu thuần	149.580.475.940	149.580.475.940	0%	0
4. Giá vốn hàng bán	144.080.789.807	144.080.789.807	0%	0
5. Lợi nhuận gộp	5.499.686.133	5.499.686.133	0%	0
6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.325.620.336	6.325.620.336	0%	0
7. Chi phí tài chính	520.277	520.277	0%	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.547.152.239	8.528.356.136	12%	1.018.796.103
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	2.277.633.953	3.296.430.056	(31%)	(1.018.796.103)
11. Thu nhập khác	2.563.325.970	2.563.325.970	0%	0
12. Chi phí khác	430.811.308	430.811.308	0%	0
13. Lợi nhuận khác	2.132.514.662	2.132.514.662	0%	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.410.148.615	5.428.944.718	(19%)	(1.018.796.103)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.099.255.805	1.099.255.805	0%	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.310.892.810	4.329.688.913	(24%)	(1.018.796.103)

Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét giảm 24% (tương đương 1.018.796.103 đồng) so với báo cáo lũy kế quý 2 năm 2019 do trích chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi làm cho chi phí quản lý doanh nghiệp tăng, lợi nhuận giảm.

Trên đây là giải trình nguyên nhân giảm lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông Công Chánh trong quý 2 năm 2019 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên đã soát xét.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC *LM*



Phan Minh Lộc